

DẾN

Số: 33736

Ngày: 31/5

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y

Bộ Công an

Thời gian ký: 2023-05-31T14:04:00+07:00

Số: 3733 /QĐ-BCA

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy trình xác minh nội bộ
đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh
thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp tại Công văn số 2461/V03-P7 ngày 29/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

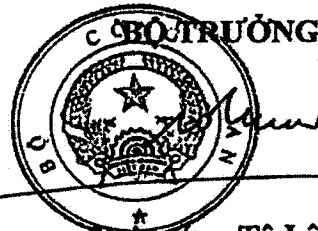
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình xác minh nội bộ đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an (có nội dung quy trình kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, V03.



Đại tướng Tô Lâm

QUY TRÌNH

Xác minh nội bộ đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BCA ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Quy trình xử lý công việc (Thời hạn: 03 ngày làm việc)				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu, kết quả
Bước 1	<p><i>Gửi yêu cầu xác minh nội bộ đến Công an xã, phường, thị trấn (Công an cấp xã):</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Cán bộ được phân công xử lý hồ sơ kiểm tra thấy hồ sơ có nội dung cần gửi Công an cấp xã xác minh (<i>Phụ lục kèm theo</i>) thì gửi yêu cầu tới Công an cấp xã.- Hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Công an cấp xã để xác minh; đồng thời thông báo qua tin nhắn (SMS), thư điện tử (email) cho người nộp hồ sơ biết về việc hồ sơ đã được chuyển cho Công an cấp xã.	Cán bộ Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Công an cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ	Thực hiện ngay sau khi kiểm tra hồ sơ	<ul style="list-style-type: none">- Tờ khai- Phiếu xác minh gửi đến Công an cấp xã (nếu cần)- Thông báo cho người nộp hồ sơ
Bước 2	<p><i>Tiếp nhận yêu cầu xác minh nội bộ:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Cán bộ được phân công đăng nhập vào Cổng dịch vụ công Bộ Công an, chọn thủ tục "xác minh nội bộ".- Mở từng hồ sơ trong danh sách chờ xác minh, in thành phần hồ sơ cần xác minh.- Báo cáo Chỉ huy Công an cấp xã để tổ chức thực hiện xác minh.	Cán bộ Công an cấp xã	04 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu xác minh	Thành phần hồ sơ cần xác minh thông tin
Bước 3	<p><i>Tiến hành xác minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức xác minh các thông tin theo đề nghị của cơ quan gửi yêu cầu xác minh (<i>Phụ lục kèm theo</i>).- Lập báo cáo kết quả xác minh trình Chỉ huy Công an cấp xã.	Cán bộ Công an cấp xã	16 giờ làm việc	Thông tin của thành phần hồ sơ được xác minh

	- Cập nhật kết quả xác minh cho từng hồ sơ trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an.			
Bước 4	<p>Phê duyệt kết quả xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu hồ sơ, báo cáo kết quả xác minh của cán bộ đề xuất. - Đăng nhập vào Cổng dịch vụ công Bộ Công an, chọn thủ tục "xác minh nội bộ". - Phê duyệt nội dung xác minh; ký số vào Tờ khai hoặc Phiếu xác minh. - Hệ thống thông báo qua tin nhắn (SMS), thư điện tử (email) cho người nộp hồ sơ biết về việc hồ sơ đã được chuyển cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Công an cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ. 	Chỉ huy Công an cấp xã	04 giờ làm việc	Tờ khai hoặc Phiếu xác minh được ký số
Bước 5	<p>Tiếp nhận kết quả xác minh nội bộ:</p> <p>Cán bộ đăng nhập vào Cổng dịch vụ công Bộ Công an để kiểm tra kết quả xác minh của Công an cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu kết quả xác minh đúng, đủ thì tiếp nhận hồ sơ, áp phí/lệ phí theo quy định (nếu có). - Nếu kết quả xác minh không đủ điều kiện để tiếp nhận thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung hoàn thiện hoặc từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do. - Thông báo qua tin nhắn (SMS) hoặc thư điện tử (email) cho người nộp hồ sơ biết. 	Cán bộ Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Công an cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ	Kiểm tra, thực hiện thường xuyên	Thông báo cho người nộp hồ sơ về việc tiếp nhận, bổ sung hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ

Phụ lục
THÀNH PHẦN HỒ SƠ VÀ NỘI DUNG THÔNG TIN CẦN XÁC MINH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCA ngày / /2023
của Bộ trưởng Bộ Công an)

Stt	Thủ tục hành chính/ nhóm thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ cần xác minh	Nội dung thông tin cần xác minh
A Liên quan đến công dân Việt Nam			
1	Cấp hộ chiếu phổ thông (đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, người chưa đủ 14 tuổi)	- Tờ khai. - Nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ, hồ sơ cần thêm: trích lục đăng ký giám hộ hoặc giấy ủy quyền hoặc Quyết định của Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của cá nhân.	- Các thông tin trong tờ khai có đúng với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hay không. - Xác minh các thông tin không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông tin đã điều chỉnh theo đúng quy định của pháp luật nhưng chưa được cập nhật (<i>Lưu ý: ảnh chân dung, nơi sinh, quốc tịch</i>). - Xác minh người nộp hồ sơ có phải là người đại diện hợp pháp hay không (nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ).
2	Cấp giấy thông hành (đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, người chưa đủ 14 tuổi)	- Tờ khai. - Nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ, hồ sơ cần thêm: trích lục đăng ký giám hộ hoặc giấy ủy quyền hoặc Quyết định của Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của cá nhân.	- Các thông tin trong tờ khai có đúng với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hay không. - Xác minh các thông tin không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông tin đã điều chỉnh theo đúng quy định của pháp luật nhưng chưa được cập nhật (<i>Lưu ý: ảnh chân dung, nơi sinh, quốc tịch</i>). - Xác minh người nộp hồ

			sơ có phải là người đại diện hợp pháp hay không (nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ).
3	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	- Đơn theo mẫu. - Nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ, hồ sơ cần thêm: trích lục đăng ký giám hộ hoặc giấy ủy quyền hoặc Quyết định của Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của cá nhân.	- Xác định chữ ký trong đơn đúng là của người đề nghị. - Xác minh người nộp hồ sơ có phải là người đại diện hợp pháp hay không (nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ).
4	Trình báo mất giấy thông hành	- Đơn theo mẫu. - Nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ, hồ sơ cần thêm: trích lục đăng ký giám hộ hoặc giấy ủy quyền hoặc Quyết định của Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của cá nhân.	- Xác định chữ ký trong đơn đúng là của người đề nghị. - Xác minh người nộp hồ sơ có phải là người đại diện hợp pháp hay không (nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ)
5	Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam	- Đơn theo mẫu. - Nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ, hồ sơ cần thêm: trích lục đăng ký giám hộ hoặc giấy ủy quyền hoặc Quyết định của Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của cá nhân.	- Xác định chữ ký trong đơn đúng là của người đề nghị. - Xác minh người nộp hồ sơ có phải là người đại diện hợp pháp hay không (nếu người nộp hồ sơ không phải là cha hoặc mẹ).
B Liên quan đến người nước ngoài, người không quốc tịch			
1	Kiểm tra, xét duyệt nhân sự, cấp phép nhập cảnh cho người nước ngoài, người	Đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh Việt	Xác minh thông tin về người bảo lãnh (là công dân Việt Nam, người nước

	Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam	Nam (mẫu NA3).	ngoài có thẻ thường trú nêu tại mục I của Đơn bảo lãnh.
2	Cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam	Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (mẫu NA5).	Xác minh thông tin về người bảo lãnh (là công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú) nêu tại điểm 2 mục II của Tờ khai.
3	Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (mẫu NA5).	Xác minh thông tin về người bảo lãnh (là công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú) nêu tại điểm 2 mục II của Tờ khai.
4	Cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam đối với người không quốc tịch chưa được giải quyết cho thường trú.	Xác minh về thời gian người không quốc tịch đã cư trú tại địa phương.
5	Cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam đối với người không quốc tịch chưa được giải quyết cho thường trú.	Xác minh về thời gian người không quốc tịch đã cư trú tại địa phương.
6	Cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	Đơn bảo lãnh cấp thẻ tạm trú (mẫu NA7).	Xác minh về thông tin của người bảo lãnh (là công dân Việt Nam) nêu tại mục I của Đơn bảo lãnh.
7	Cấp thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	- Giấy bảo lãnh cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (mẫu NA11).	- Xác minh về thông tin của người bảo lãnh (là công dân Việt Nam) nêu tại mục I của Giấy bảo lãnh.
		- Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam (trong hồ sơ xin	- Xác minh về thời gian người không quốc tịch đã

		thường trú của người không quốc tịch đã tạm trú liên tục tại Việt Nam từ năm 2000 trở về trước).	cư trú tại địa phương.
8	Cấp đổi thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	Tờ khai đề nghị cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú (mẫu NA13).	Xác minh thông tin của người đề nghị tại mục 1, 2, 3, 9, 12 của Tờ khai.
9	Cấp lại thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam		
10	Cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho người nước ngoài	Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới (mẫu NA15).	Xác nhận nhân thân và địa chỉ thường trú của người bảo lãnh.